TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Tỵ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Quang Cao N, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Hẻm A, đường B, khu phố C (nay là khu phố Đ), thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú cuối cùng: Hẻm A, đường B, khu phố C (nay là khu phố Đ), thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông N có mặt. Bị đơn bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2019, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Đào Quang Cao N trình bày*:

Ông Đào Quang Cao N và bà Võ Thị Mỹ T chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 19/9/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 5/2008 vì bà T bỏ đi biệt tích cho đến nay. Mặc dù, ông N đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T. Vì vậy, ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết yêu cầu tuyên bố bà Võ Thị Mỹ T mất tích theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐDS-ST ngày 02/7/2019 tuyên bố bà Võ Thị Mỹ T mất tích. Vì vậy, ông N làm đơn yêu cầu ly hôn với bà T.

Quá trình chung sống, ông N và bà T có 01 con chung tên Đào Quang Trúc Q, sinh ngày 10/01/2007. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ ông N giao nộp gồm: Bản chính đơn khởi kiện ngày 06/8/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của ông N; giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự; bản tự khai của ông N.

Ngoài ra, ông N không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn bà Võ Thị Mỹ T:*

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của bà T.

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng , tỉnh Bình Dương tiến hành xá c minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà T, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương ông N và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, ông N và bà T không còn chung sống với nhau tại địa phương. Bà T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 5/2008 cho đến nay.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật

Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn ông Nguyên, bị đơn bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặ t không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn bà T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Không kiến nghị khắc phục , bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung, giao con chung tên Đào Quang Trúc Q, sinh ngày 10/01/2007 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu c ác tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Nguyên đơn ông Nguyên khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà T kết quả xác minh xác định bị đơn bà T có nơi cư trú cuối cùng là hẻm A, đường B, khu phố C (nay là khu phố Đ), thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông N có mặt, bị đơn bà T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án . Việc bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 06/8/2019, nguyên đơn ông N khởi kiện ly hôn đối với bị đơn bà T với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Quang Trúc Q, sinh ngày 10/01/2007 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn ông N và bị đơn bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 19/9/2007. Hôn nhân giữa nguyên đơn ông N và bị đơn bà T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn ông N xác định quá trình chung

sống ông N và bà T đã không còn sống chung từ tháng 5/2008 cho đến nay. Đồng thời, bà T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 5/2008 cho đến nay không có tin tức gì của bà T. Mặc dù, ông N đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐDS-ST ngày 02/7/2019 tuyên bố bà Võ Thị Mỹ T mất tích. Bị đơn, bà T cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy bà T đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn ông N và bị đơn bà T có 01 con chung tên Đào Quang Trúc Q, sinh ngày 10/01/2007. Nguyên đơn, ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Q hiện đang sinh sống với ông N. Đồng thời, cháu Q cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với ông N là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Q cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang Cao N đối với bà Võ Thị Mỹ T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đào Quang Cao N được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Ông Đào Quang Cao N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đào Quang Trúc Q, sinh ngày 10/01/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đào Quang Cao N và bà Võ Thị Mỹ T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật . Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Đào Quang Cao N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0031900 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/11/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Long Tỵ